

Số: 172/2024/QĐST-HNGĐ

TP. Thanh Hóa, ngày 17 tháng 4 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THANH HÓA, TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Điều 212; Điều 213; khoản 4 Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;
Căn cứ vào điều 55 của Luật Hôn nhân và gia đình;
Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015;
Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 227/2024/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 3 năm 2024 về việc: “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con khi ly hôn”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1. Anh Bùi Trung M, sinh năm 1994

Nơi TT: Ngõ TL, phố ĐL, phường LS, thành phố TH, tỉnh TH

2. Chị Trần Thị V, sinh năm 1995

Nơi TT: Ngõ TL, phố ĐL, phường LS, thành phố TH, tỉnh TH

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về hôn nhân: Anh Bùi Trung M và chị Trần Thị V tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Lam Sơn, TP. Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa ngày 03/4/2017. Quá trình chung sống anh chị phát sinh mâu thuẫn do bất đồng về quan điểm sống và tính cách. Bản thân vợ chồng đã cố gắng khắc phục mâu thuẫn để hòa hợp nhưng không có kết quả.

Nay anh chị đều xác định mâu thuẫn vợ chồng thực sự trầm trọng, cuộc sống chung không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên thống nhất đề nghị Tòa án công nhận việc anh chị thuận tình ly hôn.

Xét thấy: Tòa án hòa giải đoàn tụ không thành, anh chị thực sự tự nguyện ly hôn, việc thỏa thuận của anh chị không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội, phù hợp quy định tại Điều 55 - Luật HN&GD nên Tòa án chấp nhận.

[2] Về con chung: Anh Bùi Trung M và chị Trần Thị V có 01 con chung là Bùi Linh Đ, sinh ngày 28/11/2017. Anh chị đề nghị Tòa án công nhận thỏa thuận như sau: Sau khi ly hôn chị Trần Thị V trực tiếp nuôi con chung, anh M cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị V mức 2.000.000đ một tháng kể từ ngày 18/4/2024 đến khi con đủ 18 tuổi.

Thỏa thuận của anh chị hoàn toàn tự nguyện, đảm bảo quyền lợi của con, phù hợp quy định tại Điều 81, 82 của Luật HN&GD nên Tòa án chấp nhận.

[3] *Về tài sản chung và quyền, nghĩa vụ tài sản:* Anh Bùi Trung M và chị Trần Thị V không yêu cầu giải quyết do đó Tòa án không xem xét.

[4] *Về lệ phí:* Anh Bùi Trung M và chị Trần Thị V thỏa thuận chị V chịu toàn bộ lệ phí giải quyết việc dân sự theo quy định của pháp luật. Thỏa thuận của anh chị phù hợp quy định tại Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội nên Tòa án chấp nhận.

Đã hết thời hạn 7 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Bùi Trung M và chị Trần Thị V

- *Về con chung:* Công nhận sự thỏa thuận giữa anh Bùi Trung M và chị Trần Thị V về việc nuôi dưỡng con chung như sau: Sau khi ly hôn chị Trần Thị V trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Bùi Linh Đ, sinh ngày 28/11/2017; Anh Bùi Trung M cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị V mức 2.000.000đ (Hai triệu đồng) một tháng kể từ ngày 18/4/2024 đến khi con đủ 18 tuổi.

Anh Bùi Trung M có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

- *Về tài sản chung và quyền, nghĩa vụ tài sản:* Anh Bùi Trung M và chị Trần Thị V không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí: Công nhận thỏa thuận của anh M chị V như sau: Chị Trần Thị V chịu toàn bộ lệ phí sơ thẩm giải quyết việc hôn nhân gia đình là 300.000đ nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu tạm ứng lệ phí số 0001329 ngày 20/3/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự TP. Thanh Hóa. Chị V đã nộp đủ lệ phí. Anh M không phải chịu lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Thanh Hoá;
- VKSND TP. Thanh Hóa;
- Chi cục THADS TP. Thanh Hóa;
- UBND P.Lam Sơn, TP.Thanh Hoá;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Đã ký

Nguyễn Thị Nga